

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-ST

Ngày: 17-9-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa; Ông Phan Tấn Lãm

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Phương - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam;* trụ sở chính: Số 02 LH, phường TC, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do Ông Phạm Toàn A, chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật; ông Phạm Toàn A ủy quyền cho ông Trần Văn B, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; ông Trần Văn B ủy quyền lại cho ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh tham gia tố tụng (*có mặt*).

- *Bị đơn: Ông Điều D*, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn BGP 2, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Điều Đ*, sinh năm 1993; **anh Điều E**, sinh năm 1998; **anh Điều F**, sinh năm 1996 và **chị Thị G**, sinh năm 2000: Cùng cư trú tại: Thôn BGP 2, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 13 tháng 6 năm 2023, Bản tự khai và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), ông Nguyễn Chí C trình bày:

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2019, Ngân hàng có ký với ông Điều D hợp đồng tín dụng số 5617-LAV-201901859, theo đó Ngân hàng cho ông Điều D vay số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 9.8%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn là để chăn nuôi bò, chăm sóc vườn điều. Ngân hàng đã giải ngân cho ông D số tiền là 300.000.000 đồng vào ngày 16 tháng 04 năm 2019, ngày trả nợ cuối cùng 16 tháng 4 năm 2020, phân kỳ trả lãi 12 tháng 01 lần.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Điều D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 494789/HĐTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với Quyền sử dụng đất số: BM 161021, số vào sổ cấp GCN: CH 000065/CMOI-LP do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Điều D ngày 18 tháng 6 năm 2018 với diện tích là 30035.8 m²; tờ bản đồ số: 11; thửa đất số: 37, thửa đất tọa lạc tại thôn Bù Gia Phúc 02, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (các thành viên của hộ gia đình gồm anh Điều D; anh Điều E; anh Điều F, chị Thị G và bà Thị H có Hợp đồng uỷ quyền cho ông Điều D thế chấp tài sản nêu trên để vay tiền Ngân hàng, hiện nay bà Thị H đã chết). Tuy nhiên, khoản vay này từ khi vay cho đến nay đã quá hạn nhưng hộ ông Điều D đã không trả gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng thỏa thuận.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Điều D và các thành viên của hộ gia đình gồm chị Thị G, anh Điều D, anh Điều E, anh Điều F phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng số tiền vay gốc là 300.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 16 tháng 4 năm 2019 (ngày giải ngân) đến ngày 17 tháng 9 năm 2024 (ngày đưa vụ án ra xét xử) gồm: Tiền lãi trong hạn là 29.480.548 đồng; tiền lãi quá hạn là 185.394.082 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 514.874.356 đồng.

Trường hợp ông Điều D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 494789/HĐTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 để đảm bảo thu hồi nợ.

Sau khi bán tài sản thế chấp của hộ ông Điều D mà vẫn không đủ trả nợ vay thì Ngân hàng yêu cầu hộ ông Điều D tiếp tục liên đới trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi hoàn tất các khoản nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 01 tháng 11 năm 2023, bị đơn ông Điều D trình bày:

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa vợ chồng tôi và Ngân hàng Nông nghiệp có ký hợp đồng tín dụng số 5617 - LAV - 201901859, theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho gia đình tôi vay số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay

trong hạn là 9,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, mục đích vay để chăn nuôi bò, chăm sóc vườn điều. Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên vào ngày 16 tháng 4 năm 2019, ngày trả tiền vào ngày 16 tháng 4 năm 2020, phân kỳ trả lãi là 12 tháng 01 lần. Khi vay tiền của Ngân hàng gia đình tôi có thể chấp quyền sử dụng đất số: BM 161021, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 000065/CMOI-LP do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Điều D vào ngày 18 tháng 6 năm 2018 với diện tích đất: 30.035,8 m²; tờ bản đồ số 11, thửa đất số 37, tọc lạc tại thôn Bù Gia Phúc 2, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Do gặp khó khăn nên gia đình tôi vẫn chưa trả cho Ngân hàng được một khoản tiền gốc và lãi nào, dù biết đã quá thời hạn vay theo quy định. Vợ tôi là bà Thị H đã chết vào tháng 3 năm 2022, tôi đồng ý trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, hiện nay tôi đang tìm người bán bớt rẫy để trả nợ nhưng chưa bán được.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Thị G, anh Điều D, anh Điều E, anh Điều F vắng mặt trong suốt quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc bị đơn ông Điều D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Thị G, anh Điều D, anh Điều E, anh Điều F phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc còn nợ của hợp đồng tín dụng là 300.000.000 đồng và số tiền lãi mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” do nguyên đơn là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đứng đơn khởi kiện. Bị đơn là ông Điều D có nơi cư trú tại Thôn BGP 2, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt:*

Quá trình thu thập chứng cứ, Bị đơn là ông Điều D và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Thị G, anh Điều Đ, anh Điều E, anh Điều F vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần (*riêng ông D đã được Tòa án tiến hành lấy lời khai và có trình bày rõ nội dung nguyện vọng của mình sau đó vắng mặt*). Việc các đương sự nói trên vắng mặt là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] *Về tiền nợ gốc:*

Mặc dù, tại phiên tòa vắng mặt ông Điều D và chị Thị G, anh Điều Đ, anh Điều E, anh Điều F, nhưng căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số: 5617-LAV-201901859 ngày 16 tháng 4 năm 2019; Hợp đồng thế chấp QSDĐ số: 494789/HĐTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa Ngân hàng và ông Điều D; lời trình bày của ông Nguyễn Chí C là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, lời trình bày của ông Điều D trong quá trình thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử có thể khẳng định, việc ông Điều D đại diện cho hộ gia đình có vay của Ngân hàng với số tiền gốc là 300.000.000 đồng nhằm mục đích chăm sóc vườn điều, chăn nuôi bò là có thật. Để đảm bảo khoản vay, hộ ông Điều D đồng đại diện cho bà Thị H, chị Thị G, anh Điều Đ, anh Điều E, anh Điều F đã thế chấp cho Ngân hàng 01 QSDĐ mang tên hộ ông Điều D được xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền. Tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn BGP 2, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 161021, sổ vào sổ cấp GCN: CH 000065/Cmoi-LP do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 18 tháng 6 năm 2018, cho hộ ông Điều D và bà Thị H. Tuy nhiên, đã quá kỳ hạn trả nợ gốc của hợp đồng tín dụng nêu trên, hộ ông Điều D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Nay bà Thị H đã chết, cho nên về phía đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông Điều D, và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Thị G, anh Điều Đ, anh Điều E, anh Điều F phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tiền lãi:

Xét yêu cầu của Ngân hàng về các khoản tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Hộ ông Điều D từ khi vay cho đến nay vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng được một khoản tiền lãi nào cụ thể là:

Đối với Hợp đồng tín dụng số: 5617-LAV-201901859 của khoản tiền vay là 300.000.000 đồng thì các bên thỏa thuận về thời hạn vay 12 tháng; lãi suất trong hạn 9,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tuy nhiên, xét thấy hộ ông Điều D từ khi vay cho đến nay vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng được một khoản tiền lãi nào. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu hộ ông Điều D, phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền lãi của khoản vay 300.000.000 đồng bao gồm: Tiền lãi trong hạn là 29.480.548 đồng; tiền lãi quá hạn là 185.394.082 đồng. Tổng cộng là 214.874.630 đồng, theo bảng kê tính lãi tiền vay lập ngày 17 tháng 9 năm 2024 là phù hợp với sự thỏa thuận lãi suất giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày 17 tháng 9 năm 2024 (ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi bị đơn trả xong nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 494789/HĐTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Công chứng Phạm Dũng ngày 16 tháng 4 năm 2019 theo quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Trong đó, Quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Điều D và bà Thị Đại thế chấp cho Ngân hàng vay tiền. Việc thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật nên được công nhận. Cụ thể, trong trường hợp hộ ông Điều D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn BGP 2, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp suối và thửa đất số 24; phía Nam giáp các thửa đất số 64 và 65; phía Đông giáp suối; phía Tây giáp suối và thửa đất số 52, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 161021, sổ vào sổ cấp GCN: CH 000065/Cmoi - LP do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 18 tháng 6 năm 2018, cho hộ ông Điều D và bà Thị H. Trên phần đất có 650 cây điều trồng năm 2001; 1.800 cây gió bầu trồng năm 2022; 02 cây sầu riêng trồng năm 2006; 01 cây vú sữa trồng năm 2008.

[3] Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng hộ ông Điều D phải chịu. Do Ngân hàng đã tạm ứng số tiền chi phí nêu trên nên hộ ông Điều D (trong đó có bà Thị G, ông Điều Đ, ông Điều E, ông Điều F) phải có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[4] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 266; Điều 227; 228; 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 117; 119; 293; 295; 298; 318; 319; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 90; 91; 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agibank) về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

2. Tuyên xử:

Buộc ông Điều D và chị Thị G, anh Điều Đ, anh Điều E, anh Điều F phải có trách nhiệm liên đới thanh toán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng và các khoản tiền lãi là 214.874.630 đồng. Tổng cộng gốc và lãi suất là 514.874.630 đồng.

Trường hợp ông Điều D và chị Thị G, anh Điều Đ, anh Điều E, anh Điều F không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại thôn BGP 2, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Có tứ cận như sau: Phía bắc giáp suối và thửa đất số 24; phía nam giáp các thửa đất số 64 và 65; phía đông giáp suối; phía tây giáp suối và thửa đất số 52, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 161021, sổ vào sổ cấp GCN: CH 000065/Cmoi - LP do UBND huyện Bù Gia Mập cấp ngày 18 tháng 6 năm 2018, cho hộ ông Điều D và bà Thị H. Trên phần đất có 650 cây điều trồng năm 2001; 1.800 cây gió bầu trồng năm 2022; 02 cây sầu riêng trồng năm 2006; 01 cây vú sữa trồng năm 2008 để thu hồi tiền nợ.

Sau khi ông Điều D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có nghĩa vụ trả lại cho hộ ông Điều D các giấy tờ về tài sản đã thế chấp như đã viện dẫn.

3. Buộc ông Điều D và chị Thị G, anh Điều Đ, anh Điều E, anh Điều F phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng.

4. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Điều D và chị Thị G, anh Điều Đ, anh Điều E, anh Điều F phải chịu là 24.594.985 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 11.199.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006609 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh